

Số: 260 /PA-UBND

Sơn Dương, ngày 16 tháng 7 năm 2019

**PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN  
Đấu giá quyền sử dụng đất tại các Khu dân cư trên địa bàn  
huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang năm 2019**

**I. CĂN CỨ LẬP PHƯƠNG ÁN**

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17/11/2016;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; Xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; Định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04 tháng 4 năm 2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định về thu tiền sử dụng đất; Thông tư số 332/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; Thông tư số 10/2018/TT-BTC ngày 30/01/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 45/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài chính quy định khung thù lao dịch vụ đấu giá tài sản theo quy định tại luật đấu giá tài sản;

Căn cứ Thông tư số 48/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ tài chính trong hoạt động đấu giá tài sản;

Căn cứ Quyết định số 01/2015/QĐ-UBND ngày 20/01/2015 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc ban hành giá đất 05 năm (2015 - 2019) trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang về việc quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2019 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 226/QĐ-UBND ngày 28/6/2019 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất ở tại địa bàn huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 23/11/2018 và Quyết định 03<sup>a</sup>/QĐ-UBND ngày 08/01/2019 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất trên địa bàn huyện Sơn Dương.

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 20/02/2019 của UBND huyện Sơn Dương về việc bán đấu giá quyền sử dụng đất ở (các khu dân cư dưới 10 tỷ đồng) tại địa bàn các xã, thị trấn thuộc huyện Sơn Dương.

Căn cứ Quyết định số 199/QĐ-UBND ngày 13/5/2016 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương về việc phê duyệt điều chỉnh và mở rộng quy hoạch chi tiết khu tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, Sơn Nam, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 154/QĐ-UBND ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng khu dân cư thôn Âm Thắng, xã Thượng Âm, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch xây dựng khu dân cư xã Thiện Kế, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 532/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư trung tâm xã Văn Phú;

Quyết định số 167/QĐ-UBND ngày 28/5/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương về việc phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng khu dân cư và chợ xã Tú Thịnh, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 30/01/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch xây dựng khu dân cư tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Thông báo số 198/TB-HU ngày 16/7/2019 của Thường trực Huyện ủy Thông báo kết luận cuộc họp ngày 15/7/2019.

## **II. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

- Việc tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện Sơn Dương đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan.

- Công tác tổ chức đấu giá và các nội dung phương án tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất tại các khu dân cư đảm bảo chặt chẽ, đúng các quy định hiện hành của pháp luật.

- Thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất phải đảm bảo người có nhu cầu sử dụng đất thật sự trúng đấu giá; hạn chế tối đa việc “cò mồi” trong bán đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn huyện.

## **III. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐẤU GIÁ**

**1. Đơn vị tổ chức thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất:** Tổ công tác số 6292 (được thành lập theo Quyết định số 6292/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện Sơn Dương).

**2. Đơn vị thực hiện cuộc đấu giá quyền sử dụng đất:** Tổ chức đấu giá tài sản có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016.

**3. Về tài sản đấu giá, giá khởi điểm của tài sản, tiền đặt trước, tiền mua hồ sơ**

(Có biểu chi tiết kèm theo)

**4. Hình thức đấu giá:** Bỏ phiếu gián tiếp 01 lần trả giá.

**5. Phương thức đấu giá:** Theo phương thức trả giá lên.

**6. Mua hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá:**

Hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá do Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản phát hàng (ghi mức giá hồ sơ ngoài trang bìa); hồ sơ bao gồm bản sao các giấy tờ: Quy chế đấu giá, Thông báo đấu giá; Phiếu trả giá có ghi thông tin cá nhân; Phong bì đựng phiếu trả giá (ghi mức giá theo hồ sơ để thuận lợi khi tổng hợp phiếu trả giá); Bản đồ thu nhỏ của các Khu dân cư đấu giá; Mẫu giấy ủy quyền tham gia đấu giá; Hướng dẫn cách ghi và gửi phong bì trả giá qua đường bưu điện).

Khách hàng mua hồ sơ đăng ký đấu giá tại một trong các địa điểm sau: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện; tại trụ sở Ủy ban nhân dân nơi có tài sản đấu giá (UBND thị trấn Sơn Dương, xã Sơn Nam, Thiện Kế, Thượng Âm, Tú Thịnh, Văn Phú).

Đề bảo mật thông tin của khách hàng: Tổ công tác thực hiện đấu giá tài sản của huyện, cán bộ của tổ chức đấu giá tài sản và cán bộ của UBND xã, thị trấn được giao nhiệm vụ bán hồ sơ cho khách hàng tham gia đấu giá không được

phép hỏi họ và tên, địa chỉ của khách hàng; khách hàng đến mua hồ sơ không phải khai báo các thông tin cá nhân với tổ công tác của huyện, tổ chức đấu giá tài sản và cán bộ bán hồ sơ của UBND các xã, thị trấn nơi có tài sản đấu giá.

#### **7. Thời gian, địa điểm nộp tiền đặt trước**

- Thời gian nộp tiền đặt trước trong vòng 03 ngày kể từ ngày hết thời gian công khai tài sản đấu giá trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Tiền đặt trước của khách hàng đấu giá nộp trực tiếp tại Kho bạc Nhà nước huyện (*địa chỉ Tổ dân phố Đăng Châu, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*) hoặc chuyển khoản qua dịch vụ ngân hàng vào tài khoản tiền gửi của Phòng Tài chính - Kế hoạch số 3751.0.1023757.00000 mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương.

#### **8. Về thời gian, hình thức nộp phiếu trả giá mua tài sản**

Thời gian nộp phiếu trả giá mua tài sản trong vòng 20 ngày tính từ ngày kết thúc thời gian nộp tiền đặt trước.

Phiếu trả giá được khách hàng ghi đầy đủ thông tin và bỏ vào phong bì dán kín (có chữ ký của khách hàng ở các mép dán phong bì); khách hàng có thể nộp phong bì trả giá bằng 02 hình thức:

- Nộp trực tiếp tại Bộ phận một cửa UBND huyện Sơn Dương hoặc Trụ sở UBND thị trấn Sơn Dương, trụ sở UBND các xã Sơn Nam, Thiện Kế, Tú Thịnh, Thượng Âm, Văn Phú.

- Gửi phong bì niêm phong chứa phiếu trả giá qua đường bưu điện (địa chỉ nơi nhận phiếu trả giá qua đường bưu điện tại Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Sơn Dương theo hướng dẫn trong hồ sơ đấu giá).

#### **9. Thời gian, địa điểm tổ chức công khai kết quả đấu giá**

- Thời gian tổ chức công khai kết quả đấu giá sau 7 ngày khi kết thúc thời gian bỏ phiếu trả giá.

- Địa điểm công bố kết quả đấu giá tại Hội trường Huyện ủy Sơn Dương (*địa chỉ tại Tổ dân phố Cơ quan, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*) dưới sự chỉ đạo và giám sát bằng camera của Lãnh đạo UBND huyện và Lãnh đạo Công an huyện.

#### **10. Thời gian, địa điểm trả tiền đặt trước cho khách hàng không trúng đấu giá**

- Khách hàng không trúng đấu giá được trả lại tiền đặt trước ngay sau khi kết thúc thời gian công bố kết quả đấu giá.

- Địa điểm trả lại tiền đặt trước cho khách hàng không trúng đấu giá tại Hội trường Huyện ủy Sơn Dương (*địa chỉ tại Tổ dân phố Cơ quan, Thị trấn Sơn Dương, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang*).

#### **11. Bảo quản thùng phiếu trả giá và lưu hồ sơ trả giá của khách hàng:**

Thùng phiếu được niêm phong (có chữ ký của đại diện Tổ công tác đấu giá của huyện và Trung tâm đấu giá) khi hết thời hạn nhận phiếu ở từng ngày trả

giá. Kết thúc thời gian trả giá ở từng khu dân cư, hòm phiếu được niêm phong và chuyển cho Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương để lưu giữ theo chế độ “mật”; toàn bộ phiếu trả giá sau khi công bố được chuyển cho Tổ công tác số 6292 của UBND huyện để lưu giữ hồ sơ.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Phòng Tài chính - Kế hoạch (Tổ trưởng tổ công tác 6292)**

- Ký hợp đồng với tổ chức đấu giá tài sản có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Luật đấu giá tài sản năm 2016 để thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất theo đúng các nội dung phương án này của Ủy ban nhân dân huyện Sơn Dương.

- Xác định các chi phí tổ chức thực hiện bán đấu giá quyền sử dụng đất; tham mưu quản lý, sử dụng nguồn kinh phí thu được sau khi đã nộp vào ngân sách Nhà nước theo đúng các quy định hiện hành.

- Tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất các lô đất theo quy định.

- Chủ trì, phối hợp với các thành viên tổ giúp việc 6292 của huyện, Công an huyện, UBND các xã, thị trấn, Văn phòng HĐND và UBND huyện chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết để người dân tham gia nộp phiếu trả giá và công bố kết quả đấu giá.

##### **2. Tổ chức đấu giá tài sản**

Xây dựng Quy chế cuộc đấu giá và thực hiện các trình tự thủ tục đấu giá đảm bảo theo quy định của pháp luật và nội dung phương án này của UBND huyện. Quy chế đấu giá phải được thống nhất nội dung với UBND huyện Sơn Dương trước khi ban hành và thực hiện.

##### **3. Kho bạc Nhà nước huyện**

- Bố trí cán bộ trực thu tiền đặt trước tham gia đấu giá của khách hàng đấu giá theo thời gian Thông báo đấu giá của Trung tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản phát hành; tổng hợp danh sách khách hàng nộp khoản tiền đặt trước và quản lý hòm phiếu trả giá của khách hàng do Tổ công tác 6292 của huyện chuyên (lưu theo chế độ “mật” tại Kho bạc Nhà nước huyện để cung cấp thông tin tại buổi công bố kết quả đấu giá của huyện.

- Trên cơ sở danh sách khách hàng nộp tiền đặt trước và danh sách khách hàng trúng đấu giá tài sản, cử cán bộ thực hiện trả tiền đặt trước cho khách hàng không trúng đấu giá ngay sau khi công bố kết quả trúng đấu giá đảm bảo an toàn tuyệt đối.

##### **4. Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện**

- Cung cấp hồ sơ, tài liệu có liên quan của các khu dân cư bán đấu giá cho Đơn vị tổ chức đấu giá để tổ chức cuộc bán đấu giá theo quy định.

- Phối hợp với phòng Tài nguyên và Môi trường thực hiện giao đất ngoài thực địa cho các hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá sau khi đã hoàn thành xong nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.



## 5. Phòng Tài nguyên và Môi trường

- Thực hiện giao đất ngoài thực địa cho các hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá sau khi đã hoàn thành xong nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định.

- Phối hợp với UBND các xã, thị trấn hướng dẫn người trúng đấu giá lập hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi đã thực hiện xong nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.

**6. Chi cục thuế huyện Sơn Dương:** Hướng dẫn người trúng đấu giá kê khai nộp lệ phí trước bạ đất, tiền sử dụng đất và ra thông báo nộp tiền sử dụng đất, lệ phí trước bạ cho người trúng đấu giá sau khi có Quyết định của Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

**7. Đài Truyền thanh - Truyền hình huyện, Trung tâm Văn hóa Thông tin Thể thao huyện:** Căn cứ phương án tổ chức bán đấu giá quyền sử dụng đất của UBND huyện tổ chức đăng tin, bài trên Trang thông tin điện tử của huyện; tổ chức tuyên truyền trên các phương tiện thông tin, tuyên truyền lưu động.

**8. Công an huyện:** Bố trí 01 cán bộ tham gia tổ công tác 6292 của huyện; bố trí cán bộ trực và xây dựng phương án đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian diễn ra cuộc đấu giá. Chỉ đạo Công an xã, thị trấn Sơn Dương đảm bảo an ninh, an toàn khu vực bán hồ sơ đấu giá, khu vực bỏ phiếu trả giá trong thời gian thực hiện cuộc đấu giá.

**9. Văn phòng HĐND và UBND huyện:** Phối hợp với Văn phòng Huyện ủy chuẩn bị các điều kiện cần thiết tại Hội trường Huyện ủy để phục vụ buổi công bố kết quả cuộc đấu giá quyền sử dụng đất (âm thanh, ánh sáng, nước uống, hệ thống camera giám sát phục vụ Lãnh đạo huyện, Công an huyện, ...); phối hợp với Tổ công tác 6292 của UBND huyện để thực hiện việc thu hồ sơ trả giá của khách hàng tại Bộ phận một cửa của huyện.

**10. Ủy ban nhân dân các xã Sơn Nam, Thiện Kế, Tú Thịnh, Thượng Âm, Văn Phú, thị trấn Sơn Dương:** Có trách nhiệm phối hợp với Tổ công tác 6292 của huyện, Tổ chức đấu giá tài sản và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc công khai tài sản bán đấu giá, bán hồ sơ đấu giá, thu phong bì trả giá theo quy định; quản lý hòm phiếu trong thời gian khách hàng trả giá theo chế độ mật; tổ chức tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh không dây 03 lần/ngày về nội dung cuộc đấu giá theo Phương án này của UBND huyện và thông báo đấu giá của Tổ chức đấu giá tài sản./.

**Nơi nhận:**

- TTr Huyện ủy, HĐND huyện (Báo cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Trung tâm dịch vụ Bán đấu giá tài sản tỉnh;
- Thành viên tổ công tác 6292 của huyện;
- Công an huyện; Chi nhánh VPĐK đất đai;
- UBND các xã, thị trấn;
- Chuyên viên: KT, XD;
- Lưu VT (ChKH g b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Lương**



**BIỂU TỔNG HỢP TÀI SẢN BÁN ĐẦU GIÁ QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT ĐỢT 1 NĂM 2019**  
 (Kèm theo Phương án số: 260/PA-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2019 của UBND huyện Sơn Dương)

Đơn vị: đồng

TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	<b>Tổng số</b>	<b>138</b>	<b>17.263</b>	<b>72.420.000.000</b>			
<b>I</b>	<b>Khu dân cư tổ dân phố Đoàn Kết, Thị trấn Sơn Dương</b>	<b>26</b>	<b>2.951</b>	<b>17.950.000.000</b>			
1	Lô đất số 01	01	130	400.000.000	80.000.000	200.000	
2	Lô đất số 02	01	130	400.000.000	80.000.000	200.000	
3	Lô đất số 03	01	130	400.000.000	80.000.000	200.000	
4	Lô đất số 04	01	130	400.000.000	80.000.000	200.000	
5	Lô đất số 05	01	130	400.000.000	80.000.000	200.000	
6	Lô đất số 06	01	123	550.000.000	100.000.000	500.000	
7	Lô đất số 07	01	120	550.000.000	100.000.000	500.000	
8	Lô đất số 08	01	118	550.000.000	100.000.000	500.000	
9	Lô đất số 09	01	115	550.000.000	100.000.000	500.000	
10	Lô đất số 09A	01	120	550.000.000	100.000.000	500.000	
11	Lô đất số 10	01	131	1.000.000.000	200.000.000	500.000	
12	Lô đất số 11	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
13	Lô đất số 12	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
14	Lô đất số 13	01	166	1.000.000.000	200.000.000	500.000	
15	Lô đất số 14	01	101	800.000.000	160.000.000	500.000	

TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> /lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
16	Lô đất số 15	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
17	Lô đất số 16	01	105	800.000.000	160.000.000	500.000	
18	Lô đất số 17	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
19	Lô đất số 18	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
20	Lô đất số 19	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
21	Lô đất số 20	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
22	Lô đất số 21	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
23	Lô đất số 22	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
24	Lô đất số 23	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
25	Lô đất số 24	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
26	Lô đất số 25	01	102	800.000.000	160.000.000	500.000	
II	<b>Khu điều chỉnh mở rộng tái định cư dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 2C, xã Sơn Nam</b>	<b>25</b>	<b>2.500</b>	<b>20.000.000.000</b>			
1	Lô đất số 04	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
2	Lô đất số 05	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
3	Lô đất số 06	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
4	Lô đất số 07	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
5	Lô đất số 08	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
6	Lô đất số 09	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
7	Lô đất số 10	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
8	Lô đất số 11	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
9	Lô đất số 12	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	



TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
10	Lô đất số 13	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
11	Lô đất số 14	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
12	Lô đất số 15	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
13	Lô đất số 16	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
14	Lô đất số 17	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
15	Lô đất số 18	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
16	Lô đất số 19	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
17	Lô đất số 20	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
18	Lô đất số 21	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
19	Lô đất số 22	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
20	Lô đất số 23	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
21	Lô đất số 24	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
22	Lô đất số 25	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
23	Lô đất số 26	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
24	Lô đất số 27	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
25	Lô đất số 28	01	100	800.000.000	160.000.000	500.000	
<b>III</b>	<b>Khu dân cư xã Thiện Kế</b>	<b>32</b>	<b>4.182</b>	<b>10.600.000.000</b>			
1	Lô đất A (gồm lô số 01 và 02)	02	250	720.000.000	140.000.000	500.000	
2	Lô đất B (gồm lô số 03 và 04)	02	250	640.000.000	120.000.000	500.000	
3	Lô đất số 05	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
4	Lô đất số 06	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	

TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
5	Lô đất số 07	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
6	Lô đất số 08	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
7	Lô đất số 09	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
8	Lô đất số 10	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
9	Lô đất số 11	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
10	Lô đất số 12	01	190	400.000.000	80.000.000	200.000	
11	Lô đất số 13	01	190	400.000.000	80.000.000	200.000	
12	Lô đất số 14	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
13	Lô đất số 15	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
14	Lô đất số 16	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
15	Lô đất số 17	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
16	Lô đất số 18	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
17	Lô đất C (gồm các lô: 19, 20, 21, 22)	04	496	1.240.000.000	240.000.000	500.000	
18	Lô đất số 27	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
19	Lô đất số 28	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
20	Lô đất D (gồm các lô: 29, 30, 31)	03	403	1.040.000.000	200.000.000	500.000	
21	Lô đất E (gồm các lô: 32, 33, 34)	03	403	1.040.000.000	200.000.000	500.000	
22	Lô đất số 35	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	
23	Lô đất số 36	01	125	320.000.000	60.000.000	200.000	

TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
<b>IV</b>	<b>Khu dân cư Chợ Tú Thịnh, xã Tú Thịnh</b>	<b>31</b>	<b>4.005</b>	<b>12.900.000.000</b>			
1	Lô đất số 12	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
2	Lô đất số 13	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
3	Lô đất số 14	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
4	Lô đất số 15	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
5	Lô đất số 16	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
6	Lô đất số 17	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
7	Lô đất số 18	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
8	Lô đất số 23	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
9	Lô đất số 24	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
10	Lô đất số 25	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
11	Lô đất số 26	01	125	500.000.000	100.000.000	200.000	
12	Lô đất số 27	01	172	550.000.000	110.000.000	500.000	
13	Lô đất số 28	01	171	550.000.000	110.000.000	500.000	
14	Lô đất số 29	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
15	Lô đất số 30	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
16	Lô đất số 31	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
17	Lô đất số 32	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
18	Lô đất số 33	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
19	Lô đất số 34	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
20	Lô đất số 35	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
21	Lô đất số 36	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	

TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
22	Lô đất số 37	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
23	Lô đất số 38	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
24	Lô đất số 39	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
25	Lô đất số 40	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
26	Lô đất số 41	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
27	Lô đất số 42	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
28	Lô đất số 43	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
29	Lô đất số 44	01	125	350.000.000	70.000.000	200.000	
30	Lô đất A (gồm lô số 45 và 46)	02	287	700.000.000	140.000.000	500.000	
<b>V</b>	<b>Khu dân cư thôn Âm Thắng, xã Thượng Âm</b>	<b>20</b>	<b>2.500</b>	<b>6.000.000.000</b>			
1	Lô đất số 03	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
2	Lô đất số 04	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
3	Lô đất số 05	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
4	Lô đất số 06	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
5	Lô đất số 07	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
6	Lô đất số 08	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
7	Lô đất số 09	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
8	Lô đất số 10	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
9	Lô đất số 11	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
10	Lô đất số 12	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
11	Lô đất số 13	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
12	Lô đất số 14	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	



TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
13	Lô đất số 15	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
14	Lô đất số 16	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
15	Lô đất số 17	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
16	Lô đất số 18	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
17	Lô đất số 19	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
18	Lô đất số 20	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
19	Lô đất số 21	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
20	Lô đất số 22	01	125	300.000.000	60.000.000	200.000	
<b>VI</b>	<b>Khu dân cư xã Văn Phú</b>	<b>29</b>	<b>3.625</b>	<b>4.970.000.000</b>			
1	Lô đất số 03	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
2	Lô đất số 04	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
3	Lô đất số 05	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
4	Lô đất số 06	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
5	Lô đất số 07	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
6	Lô đất số 08	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
7	Lô đất số 09	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
8	Lô đất số 10	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
9	Lô đất số 11	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
10	Lô đất số 12	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
11	Lô đất số 13	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
12	Lô đất số 14	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
13	Lô đất số 15	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
14	Lô đất số 16	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	

TT	Vị trí lô đất	Số lô đất	Diện tích (m2/lô)	Giá khởi điểm (đồng/lô)	Tiền đặt trước (đồng/lô)	Phí tham gia đấu giá (đồng/hồ sơ)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
15	Lô đất số 17	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
16	Lô đất số 18	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
17	Lô đất số 19	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
18	Lô đất số 20	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
19	Lô đất số 21	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
20	Lô đất số 22	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
21	Lô đất số 23	01	125	190.000.000	35.000.000	100.000	
22	Lô đất số 24	01	125	190.000.000	35.000.000	100.000	
23	Lô đất số 25	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
24	Lô đất số 26	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
25	Lô đất số 27	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
26	Lô đất số 28	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
27	Lô đất số 29	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
28	Lô đất số 30	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	
29	Lô đất số 31	01	125	170.000.000	30.000.000	100.000	